



**CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN
SÀI GÒN-HÀ NỘI**

Số: **148** /2020/QĐ-TGD

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 06 tháng 10 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

**(V/v: Công bố danh mục chứng khoán sàn HSX thực hiện giao dịch ký quỹ Quý IV/2020
tại SHS từ 06/10/2020)**

TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN-HÀ NỘI

- Căn cứ Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 được Quốc hội nước CHXHCNVN thông qua ngày 29/06/2006 và các văn bản sửa đổi, bổ sung và hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Thông tư số 203/2015/TT-BTC ngày 21 tháng 12 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về giao dịch trên thị trường chứng khoán;
- Căn cứ Quyết định số 87/QĐ-UBCK ngày 25/01/2017 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc ban hành Quy chế hướng dẫn giao dịch ký quỹ chứng khoán;
- Căn cứ thông báo của Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh về danh sách chứng khoán không đủ điều kiện giao dịch ký quỹ;
- Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “**Danh mục chứng khoán sàn HSX thực hiện giao dịch ký quỹ Quý IV/2020 tại SHS từ ngày 06/10/2020**”. Danh mục này bao gồm 263 mã chứng khoán, chi tiết theo Phụ lục đính kèm. Thay đổi mã chứng khoán so với quyết định trước: Thêm 3 mã (CKG, DQC, GVR).

Điều 2. Quyết định này thay thế cho Quyết định số 136/2020/QĐ-TGD ngày 14 tháng 09 năm 2020 của Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn-Hà Nội về phần danh mục chứng khoán sàn HSX thực hiện giao dịch ký quỹ tại SHS.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Các thành viên Ban Tổng Giám đốc, các Phòng ban có liên quan, các chi nhánh Công ty chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu VT.



VŨ ĐỨC TIẾN

PHỤ LỤC
DANH MỤC CHỨNG KHOÁN SÀN HSX THỰC HIỆN GIAO DỊCH KÝ QUỸ ÁP
DỤNG TỪ NGÀY 06/10/2020

STT	Mã CK
1	AAA
2	ABT
3	ACC
4	AGG
5	AMD
6	ANV
7	APC
8	APG
9	ASM
10	ASP
11	AST
12	BBC
13	BCE
14	BCG
15	BFC
16	BIC
17	BID
18	BMC
19	BMI
20	BMP
21	BRC
22	BSI
23	BTP
24	BTT
25	BWE
26	C32
27	C47
28	CAV
29	CCL
30	CDC
31	CII
32	CKG
33	CLC
34	CLL
35	CMG
36	CMX
37	CNG

STT	Mã CK
38	COM
39	CRC
40	CRE
41	CSM
42	CSV
43	CTD
44	CTG
45	CTI
46	CTS
47	CVT
48	D2D
49	DAG
50	DAH
51	DBC
52	DBD
53	DCL
54	DCM
55	DGC
56	DGW
57	DHA
58	DHC
59	DHG
60	DIG
61	DMC
62	DPG
63	DPM
64	DPR
65	DQC
66	DRC
67	DRH
68	DRL
69	DSN
70	DVP
71	EIB
72	ELC
73	EVG
74	FCM

STT	Mã CK
75	FCN
76	FIR
77	FIT
78	FMC
79	FPT
80	FRT
81	FTS
82	GAS
83	GDT
84	GEX
85	GIL
86	GMC
87	GMD
88	GSP
89	GVR
90	HAH
91	HAI
92	HAP
93	HAR
94	HAX
95	HBC
96	HCD
97	HCM
98	HDB
99	HDC
100	HDG
101	HHS
102	HII
103	HPG
104	HPX
105	HQC
106	HSG
107	HSL
108	HT1
109	HTI
110	HTL
111	HTN

STT	Mã CK
112	HTV
113	HVH
114	ICT
115	IDI
116	IJC
117	IMP
118	ITA
119	ITC
120	ITD
121	KBC
122	KDC
123	KDH
124	KMR
125	KSB
126	L10
127	LBM
128	LCG
129	LDG
130	LGC
131	LHG
132	LIX
133	LSS
134	MBB
135	MCP
136	MDG
137	MSN
138	MWG
139	NAF
140	NBB
141	NCT
142	NKG
143	NLG
144	NNC
145	NSC
146	NT2
147	NTL
148	NVL



STT	Mã CK
149	OPC
150	PAC
151	PAN
152	PC1
153	PDN
154	PDR
155	PET
156	PGC
157	PGD
158	PGI
159	PHC
160	PHR
161	PJT
162	PLP
163	PME
164	PNJ
165	POW
166	PPC
167	PTB
168	PVD
169	PVT
170	RAL
171	RDP
172	REE
173	S4A
174	SAB
175	SAM
176	SBA
177	SBT

STT	Mã CK
178	SBV
179	SC5
180	SCD
181	SCR
182	SCS
183	SFC
184	SFG
185	SFI
186	SGN
187	SHA
188	SHI
189	SHP
190	SJD
191	SJS
192	SKG
193	SMB
194	SMC
195	SPM
196	SRC
197	SRF
198	SSC
199	SSI
200	ST8
201	STB
202	STK
203	SVC
204	SVI
205	SZC
206	SZL

STT	Mã CK
207	TAC
208	TBC
209	TCB
210	TCD
211	TCH
212	TCL
213	TCM
214	TCO
215	TCT
216	TDC
217	TDM
218	TDW
219	THG
220	THI
221	TIP
222	TLD
223	TLG
224	TMP
225	TMS
226	TNA
227	TNC
228	TNI
229	TPB
230	TPC
231	TRA
232	TRC
233	TSC
234	TTB
235	TV2

STT	Mã CK
236	TVS
237	TVT
238	TYA
239	UIC
240	VAF
241	VCB
242	VCI
243	VDP
244	VDS
245	VGC
246	VHC
247	VHM
248	VIC
249	VIP
250	VJC
251	VMD
252	VND
253	VNE
254	VNM
255	VPB
256	VPH
257	VPI
258	VPS
259	VRC
260	VRE
261	VSC
262	VSI
263	VTO

